

Số: **224**/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **03** tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể
tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình,
dự án trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ
quy định về giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá
đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định
giá đất;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 11/2020/QĐ-UBND ngày
08/6/2020 ban hành quy định về Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh
Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 – 2024); số 55/2022/QĐ-
UBND ngày 31/12/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất ở trên
địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024) kèm theo
Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020, Quyết định 64/2021/QĐ-
UBND ngày 18/11/2021 và Quyết định 47/2022/QĐ-UBND ngày 07/12/2022
của UBND tỉnh;*

*Theo đề nghị của UBND huyện Nghĩa Hành, thị xã Đức Phổ và thành
phố Quảng Ngãi; các kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất
cụ thể trên địa bàn tỉnh; đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường
tại các Tờ trình: Số 590/TTr-STNMT ngày 15/02/2023, 1230/TTr-STNMT
ngày 21/3/2023, số 1424/STNMT ngày 28/3/2023, 1458/TTr-STNMT ngày
30/3/2023, số 1459/TTr-STNMT ngày 30/3/2023, số 1460/TTr-STNMT ngày
30/3/2023, 1461/TTr-STNMT ngày 30/3/2023, số 1462/TTr-STNMT ngày
30/3/2023; Thông báo số 159/TB-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh và ý
kiến của các Thành viên UBND tỉnh.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất thực hiện trong năm 2023
để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực

hiện các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch sử dụng đất được duyệt (*Chi tiết theo 08 Phụ lục đính kèm*)

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện Nghĩa Hành, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa, thị xã Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, P.KTN, CBTH;
- Lưu: VT, P.KTTH.Tien111.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Phiên

Phụ lục số 01
Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi
Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình các khu tái định cư thuộc
Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn
Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ
cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025,
đoạn qua huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi
*(Kèm theo Quyết định số **224** /QĐ-UBND ngày **03** /4/2023 của UBND tỉnh)*

* Theo đề nghị:

- UBND huyện Nghĩa Hành tại Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 18/01/2023 và Công văn số 161/UBND ngày 06/02/2023;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 28/TB-HĐTĐGD ngày 14/02/2023;

- Tờ trình số 590/TTr-STNMT ngày 15/02/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Khu tái định cư Đồng giá thuộc xã Hành Minh	
	* Đối với đất nông nghiệp:	
	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
	* Đối với đất ở tại nông thôn	
	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 1	1,00
II	Khu tái định cư Kỳ Thọ Nam 2 thuộc xã Hành Đức	
	* Đối với đất nông nghiệp:	
	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
III	Khu tái định cư Đồng Cây Trâm Trong thuộc xã Hành Phước	
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00

	<i>* Đối với đất ở tại nông thôn</i>	
1	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 2	1,00
2	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
IV	Khu tái định cư Đồng Xuân thuộc xã Hành Thịnh	
	<i>* Đối với đất nông nghiệp:</i>	
	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	1,00

Phụ lục số 02

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số ~~224~~ **03**/QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị:

- UBND huyện Nghĩa Hành tại Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 02/3/2023;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 79/TB-HĐTĐGD ngày 14/3/2023;

- Tờ trình số 1230/TTr-STNMT ngày 21/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Xã Hành Dũng	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	2,25
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	2,25
2	Đối với đất ở tại nông thôn:	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 4, khu vực 1	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 2, khu vực 3	1,00
2.3	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
2.4	Đất ở thuộc vị trí 4, khu vực 3	1,00
2.5	Đất ở thuộc vị trí 5, khu vực 3	1,00
II	Xã Hành Minh	
1	Đối với đất nông nghiệp:	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất nuôi trồng thủy sản thuộc vị trí 1	1,00
2	Đối với đất ở tại nông thôn:	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 1	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 4, khu vực 1	1,00

2.3	Đất ở thuộc vị trí 4, khu vực 2	1,00
2.4	Đất ở thuộc vị trí 5, khu vực 2	1,00
2.5	Đất ở thuộc vị trí 2, khu vực 3	1,00
2.6	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
2.7	Đất ở thuộc vị trí 5, khu vực 3	1,00
III	Xã Hành Đức	
1	<i>Đối với đất nông nghiệp:</i>	
	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
2	<i>Đối với đất ở tại nông thôn:</i>	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 2, khu vực 3	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
2.3	Đất ở thuộc vị trí 5, khu vực 3	1,00
IV	Xã Hành Phước	
1	<i>Đối với đất nông nghiệp:</i>	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
2	<i>Đối với đất ở tại nông thôn:</i>	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 2	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 2, khu vực 2	1,00
2.3	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 3	1,00
2.4	Đất ở thuộc vị trí 3, khu vực 3	1,00
V	Xã Hành Thịnh	
1	<i>Đối với đất nông nghiệp:</i>	
1.1	Đất trồng cây hàng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác) thuộc vị trí 1	1,00
1.2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
1.3	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 1	1,00
2	<i>Đối với đất ở tại nông thôn:</i>	
2.1	Đất ở thuộc vị trí 6, khu vực 1	1,00
2.2	Đất ở thuộc vị trí 1, khu vực 3	1,00
2.3	Đất ở thuộc vị trí 2, khu vực 3	1,00
2.4	Đất ở thuộc vị trí 5, khu vực 3	1,00

Phu lục số 03

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng tường rào cổng ngõ, bê tông sân nền, 08 phòng hiệu bộ và phòng chức năng Trường THCS Tịnh Kỳ, tại xã Tịnh Kỳ, thành phố Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số **224/QĐ-UBND** ngày **03** /4/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị:

- UBND thành phố Quảng Ngãi tại Công văn số 671/UBND-XD ngày 09/3/2023;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 94/TB-HĐTĐGD ngày 22/3/2023;

- Tờ trình số 1424/TTr-STNMT ngày 28/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
1	Đối với đất ở tại nông thôn:	
1.1	Đất ở thuộc vị trí 2, khu vực 3	1,00

Phụ lục số 04

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua các xã, phường: Nguyễn Nghiêm, Phổ Cường, Phổ Hòa và Phổ Phong, thị xã Đức Phổ
(Kèm theo Quyết định số **224/QĐ-UBND** ngày **03/4/2023** của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị:

- UBND thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 16/02/2023;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 101/TB-HĐTĐGD ngày 23/3/2023;
- Tờ trình số 1458/TTr-STNMT ngày 30/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Tại phường Nguyễn Nghiêm	
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
3	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	1,00
	* Đối với đất ở tại đô thị:	
1	Đất ở tại đô thị thuộc đường loại 3, vị trí 1	1,00
2	Đất ở tại đô thị thuộc đường loại 3, vị trí 2	1,00
3	Đất ở tại đô thị thuộc đường loại 3, vị trí 4	1,00
4	Đất ở tại đô thị thuộc đường loại 3, vị trí 5	1,00
II	Tại xã Phổ Cường:	
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00

3	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
4	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 2	1,00
	* Đối với đất ở tại nông thôn:	
1	Đất ở nông thôn thuộc vị trí 2, khu vực 3	1,00
2	Đất ở nông thôn thuộc vị trí 4, khu vực 3	1,00
3	Đất ở nông thôn thuộc vị trí 6, khu vực 3	1,00
4	Đất ở nông thôn thuộc vị trí 7, khu vực 3	1,00
III	Tại phường Phổ Hòa:	
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
3	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	1,00
4	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 2	1,00
	* Đối với đất ở tại đô thị:	
1	Đất ở đô thị thuộc đường loại 3, vị trí 2	1,00
2	Đất ở đô thị thuộc đường loại 3, vị trí 5	1,00
3	Đất ở đô thị thuộc đường loại 3, vị trí 6	1,00
4	Đất ở đô thị thuộc đường loại 3, vị trí 7	1,00
II	Tại xã Phổ Phong:	
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	2,25
2	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	2,25
	* Đối với đất ở tại nông thôn:	
1	Đất ở nông thôn thuộc vị trí 1, khu vực 1	1,00
2	Đất ở nông thôn thuộc vị trí 2, khu vực 1	1,00

3	Đất ở nông thôn thuộc vị trí 1, khu vực 2	1,00
4	Đất ở nông thôn thuộc vị trí 2, khu vực 2	1,00

Phụ lục số 05

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện thực hiện công trình: Khu tái định cư Đồng Máng; Khu tái định cư Đồng Gò Tre, xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 03 /4/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị:

- UBND thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 27/02/2023;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 119/TB-HĐTĐGD ngày 28/3/2023;
- Tờ trình số 1459/TTr-STNMT ngày 30/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Khu tái định cư Đồng Máng	
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	2,25
2	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	2,25
II	Khu tái định cư Đồng Gò Tre	
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	2,25
2	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	2,25
	* Đối với đất ở tại nông thôn:	
1	Đất ở tại nông thôn thuộc khu vực 2, vị trí 2	1,00

Phục lục số 06

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Khu tái định cư Đồng Hàng Da, Khu tái định cư Xóm 4, Khu tái định cư Xóm 5, xã Phổ Cường; Khu tái định cư Đồng Hóc, phường Phổ Hòa; Khu tái định cư Đồng Mốc, phường Phổ Ninh; Khu tái định cư Đồng Ông Di và Cây Đa, xã Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án Xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

*(Kèm theo Quyết định số **224**/QĐ-UBND ngày **03**/4/2023 của UBND tỉnh)*

* Theo đề nghị:

- UBND thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 17/TTr-UBND ngày 16/02/2023;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 101/TB-HĐTĐGD ngày 23/3/2023;
- Tờ trình số 1458/TTr-STNMT ngày 30/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Tại xã Phổ Cường	
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	1,00
	* Đối với đất ở tại nông thôn:	
1	Đất ở tại nông thôn thuộc vị trí 2, khu vực 3	1,00
II	Tại phường Phổ Hòa	
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
III	Tại phường Phổ Ninh	
	* Đối với đất nông nghiệp:	

1	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	1,00
IV	Tại xã Phổ Nhơn	
	<i>* Đối với đất nông nghiệp:</i>	
1	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	2,25
2	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	2,25

Phục lục số 07

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua các xã, phường: Phổ Ninh và Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ
(Kèm theo Quyết định số ~~224~~ /QĐ-UBND ngày 03/4/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị:

- UBND thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 27/02/2023;
- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 99/TB-HĐTĐGD ngày 23/3/2023;
- Tờ trình số 1461/TTr-STNMT ngày 30/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
I	Tại phường Phổ Ninh:	
	<i>* Đối với đất nông nghiệp:</i>	
1	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	1,00
2	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	1,00
3	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	1,00
4	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 2	1,00
	<i>* Đối với đất ở:</i>	
1	Đất ở đô thị thuộc đường loại 2, vị trí 6	1,00
2	Đất ở đô thị thuộc đường loại 2, vị trí 7	1,00
3	Đất ở đô thị thuộc đường loại 3, vị trí 2	1,00
4	Đất ở đô thị thuộc đường loại 3, vị trí 5	1,00
5	Đất ở đô thị thuộc đường loại 3, vị trí 6	1,00
6	Đất ở đô thị thuộc đường loại 3, vị trí 7	1,00

II	Tại xã Phổ Nhơn:	
	* Đối với đất nông nghiệp:	
1	Đất trồng cây hàng năm khác thuộc vị trí 1	2,25
2	Đất trồng cây lâu năm thuộc vị trí 1	2,25
3	Đất trồng lúa thuộc vị trí 1	2,25
4	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 1	1,00
	* Đối với đất ở:	
1	Đất ở thuộc khu vực 1, vị trí 1	1,00
2	Đất ở thuộc khu vực 1, vị trí 2	1,00
3	Đất ở thuộc khu vực 1, vị trí 3	1,00
4	Đất ở thuộc khu vực 2, vị trí 1	1,00
5	Đất ở thuộc khu vực 2, vị trí 2	1,00

Phụ lục số 08

Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện thực hiện Khu cải tạo Nghĩa trang nhân dân Gò Bà Giá, thôn Mỹ Trang, xã Phổ Cường thuộc Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án Xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số ~~224~~ **224**/QĐ-UBND ngày **03**/4/2023 của UBND tỉnh)

* Theo đề nghị:

- UBND thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 27/02/2023;

- Kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh tại Thông báo số 102/TB-HĐTĐGD ngày 23/3/2023;

- Tờ trình số 1462/TTr-STNMT ngày 30/3/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

STT	Loại đất	Hệ số điều chỉnh giá đất (lần)
	<i>* Đối với đất nông nghiệp:</i>	
1	Đất rừng sản xuất thuộc vị trí 2	1,00

